

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (62 -)/DA22TYA

CBGD: Nguyễn Võ Thu An (00810)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

21 / 01 / 2024

Phòng thi: D71.109

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	111322001	Nguyễn Phúc An	08/05/2004	Nam	7.3	2.5	4.9	001	<u>AP</u>		
2	111322002	Nguyễn Hồng Nhật	18/04/2004	Nữ	9.8	3.3	6.6	002	<u>HN</u>		
3	111322004	Mai Hải Âu	30/07/2004	Nam	7.5	2.0	4.8	003	<u>HA</u>		
4	111322006	Trần Hữu Bằng	09/10/2003	Nam	7.5	4.3	5.9	004	<u>BB</u>		
5	111322007	Võ Gia Bảo	17/04/2004	Nam	7.3	3.5	5.4	005	<u>VB</u>		
6	111322008	Huỳnh Tiểu Cang	02/10/2004	Nam	6.8	3.0	4.9	006	<u>TC</u>		
7	111322009	Trần Văn Chiến	02/06/2004	Nam	10.0	6.0	8.0	007	<u>TV</u>		
8	111322010	Nguyễn An Cư	28/03/2004	Nam	8.3	3.5	5.9	008	<u>AN</u>		
9	111322011	Phạm Lê Kim Cương	31/03/2004	Nữ	7.8	3.3	5.6	009	<u>PK</u>		
10	111322012	Lê Minh Hải Đăng	23/05/2004	Nam	10.0	3.8	6.9	010	<u>MD</u>		
11	111322013	Trần Công Danh	16/02/2004	Nam	8.0	3.3	5.7	011	<u>TC</u>		
12	111322015	Lâm Tiến Đạt	28/07/2004	Nam	7.8	3.5	5.7	012	<u>TD</u>		
13	111322016	Kim Di	10/05/2004	Nam	7.5	2.8	5.2	013	<u>DI</u>		
14	111322017	Diệp Thị Triệu	12/07/2000	Nữ	9.8	4.3	7.1	014	<u>DT</u>		
15	111322018	Phạm Đình Khánh	27/07/2004	Nữ	8.0	4.0	6.0	015	<u>PD</u>		
16	111322021	Lê Văn Hào	06/06/2004	Nam	7.8	3.8	5.8	016	<u>LV</u>		
17	111322023	Diệp Quốc Hào	03/04/2004	Nam	7.3	3.5	5.4	017	<u>DQ</u>		
18	111322024	Huỳnh Phúc Hậu	07/03/2004	Nam	8.8	3.5	6.2	018	<u>HP</u>		
19	111322025	Trần Trung Hậu	15/03/2004	Nam	8.3	5.3	6.8	019	<u>TT</u>		
20	111322026	Nguyễn Khưu Hữu Hiền	16/07/2004	Nam	9.3	4.5	6.9	020	<u>NH</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 20

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 20

Tổng số tờ: 20

Cán bộ coi thi 1: Em Nguyễn Văn Công

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 01 tháng 02 năm 2024

Cán bộ ghi điểm: Nguyễn Cao Dương Phương Loan

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Linh

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (62 -)/DA22TYA

CBGD: Nguyễn Võ Thu An (00810)

Hình thức đánh giá: TN.....

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

Phòng thi:..... VX.1.1M

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	111322029	Huỳnh Phước	Hưng	13/01/2004	Nam	7.0	3.3	5.2	001	Ming	
2	111322032	Dương Nhật	Huy	01/09/2004	Nam	8.3	4.5	6.4	002	Ja	
3	111322033	Huỳnh Nguyễn	Huy	06/12/2004	Nam	9.8	4.8	7.3	003	Nguyen	
4	111322034	Ngô Trần Quang	Huy	18/07/2004	Nam	8.3	4.3	6.3	004	Huy	
5	111322037	Huỳnh Như	Huỳnh	12/07/2004	Nữ	8.8	4.5	6.7	005	Huy	
6	111322038	Huỳnh Ngọc	Khánh	11/02/2004	Nam	7.5	3.3	5.4	006	Khánh	
7	111322039	Lâm Hoàng Duy	Khánh	01/09/2004	Nam	—	—	—	—	—	Cam' Hui
8	111322040	Trần Nhật	Khánh	11/08/2002	Nam	8.0	3.3	5.7	008	Ja	
9	111322041	Trương Tấn	Khoa	04/09/2004	Nam	7.8	3.5	5.7	009	Ja	
10	111322042	Thạch Phi	La	04/12/2004	Nam	9.3	4.3	6.8	010	Phi	
11	111322043	Phạm Ngọc Quốc	Lâm	23/06/2003	Nam	9.0	4.0	6.5	011	Ja	
12	111322046	Sâm Tuệ	Mẫn	01/05/2004	Nữ	8.0	3.3	5.7	012	Ja	
13	111322048	Sơn Ra Sa	Mây	28/04/2004	Nam	8.3	4.3	6.3	013	Ja	
14	111322050	Phạm Gia	Minh	10/03/2004	Nam	7.0	2.8	4.9	020	Minh	
15	111322117	Nguyễn Mộng	Bắc	23/12/2004	Nam	7.8	3.8	5.8	014	Bac	
16	111322118	Trần Á	Châu	27/09/2004	Nữ	9.0	4.3	6.7	015	Ja	
17	111322119	Trần Thị Mỹ	Dung	11/07/2004	Nữ	8.5	4.3	6.4	016	Ja	
18	111322120	Lê Đình	Hiên	06/08/2004	Nam	7.0	5.3	6.2	017	Ja	
19	111322121	Huỳnh Tấn	Hưng	09/01/2004	Nam	8.3	2.8	5.6	018	Ja	
20	111322122	Trần Lâm	Khôi	18/06/2004	Nam	7.0	2.5	4.8	019	Ja	

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20.

Tổng số sv, hs dự đánh giá:19

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo:....19

Tổng số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1: Nhan C. Hoàng Kim Hân

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày ..01... tháng ..02... năm 2024

Cán bộ ghi điểm: Trần Cao Diễm Phương Lan

Cán bộ coi thi 2:.....

Cán bộ kiểm tra:.....

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (62 -)/DA22TYA

CBGD: Nguyễn Võ Thu An (00810)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

24 / 01 / 2024

Phòng thi: 071.111

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	111322124	Nguyễn Hải	Long	16/06/2004	Nam	7.5	3.8	5.7	003	<u>[Signature]</u>		
2	111322125	Cao Thị Tuyết	Minh	13/09/2004	Nữ							<u>Vắng</u>
3	111322126	Lâm Mộng	Ngọc	29/09/2004	Nữ	9.0	3.5	6.3	005	<u>Ngoc</u>		
4	111322130	Nguyễn Thị Kim	Thoa	08/05/2004	Nữ	9.3	4.8	7.1	006	<u>Thoa</u>		
5	111322131	Đỗ Văn Trí	Thức	23/06/2004	Nam	7.3	3.5	5.4	007	<u>[Signature]</u>		
6	111322132	Trần Mạnh	Thường	03/11/2004	Nam	9.5	4.0	6.8	008	<u>[Signature]</u>		
7	111322133	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	16/06/2004	Nữ	8.3	5.0	6.7	009	<u>Truc</u>		
8	111322134	Lê Thảo	Vy	01/03/2004	Nữ	8.3	6.0	7.2	010	<u>Cep</u>		
9	111322135	Vũ Trần Mai	Vy	30/05/2004	Nữ	8.8	4.3	6.6	011	<u>Vu Mai</u>		
10	111322138	Thạch Thị	Chúc	19/05/2004	Nữ	9.3	4.3	6.8	014	<u>Chuc</u>		
11	111322139	Lâm Bùi Nhất	Duy	15/07/2004	Nam	8.0	3.8	5.9	015	<u>Du</u>		
12	111322140	Thạch Phước	Hào	17/02/2003	Nam							<u>Vắng</u>
13	111322142	Thạch Minh	Hoàng	03/04/2004	Nam	6.8	3.5	5.2	017	<u>Minh</u>		
14	111322144	Lê Văn	Huy	05/04/2004	Nam	6.8	4.3	5.6	018	<u>[Signature]</u>		
15	111322145	Nguyễn Đức	Lộc	08/12/2004	Nam	7.3	3.5	5.4	019	<u>[Signature]</u>		
16	111322146	Trần Tấn	Lộc	11/10/2004	Nam	9.0	4.8	6.9	020	<u>Loz</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 16

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 14

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 14

Tổng số tờ: 14

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Quốc Khánh

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 01 tháng 02 năm 2024

Cán bộ ghi điểm: Nguyễn Cao Dương Phương Lan

Cán bộ kiểm tra: [Signature]

Nguyễn Thị Linh

Danh Sách Ghi Điểm**Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

2411

ĐT1.112

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (62 -)/DA22TYB

CBGD: Nguyễn Võ Thu An (00810)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

24 / 01 / 2024Phòng thi: ĐT1.112

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	111322005	Nguyễn Đông	Âu	30/03/2004	Nam	8.0	3.0	5.5	001	<u>A2</u>	
2	111322049	Bùi Bảo	Minh	01/03/2003	Nam	7.8	4.3	6.1	002	<u>hư</u>	
3	111322053	Hồ Trọng	Nghĩa	09/09/2004	Nam	7.0	4.0	5.5	003	<u>hư</u>	
4	111322054	Lê Bích	Ngọc	22/10/2004	Nữ	8.8	4.0	6.4	004	<u>Rh</u>	
5	111322055	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	16/08/2004	Nữ	7.5	4.8	6.2	005	<u>Ngoc</u>	
6	111322057	Trần Duy	Nguyễn	12/01/2004	Nam	9.0	4.5	6.8	006	<u>TĐN</u>	
7	111322058	Nguyễn Thị Thanh	Nguyễn	16/04/2003	Nữ	9.8	5.0	7.4	007	<u>Nguyễn</u>	
8	111322060	Huỳnh Thảo	Nhân	11/05/2004	Nữ	8.3	4.3	6.3	008	<u>hư</u>	
9	111322061	Lê Thành	Nhân	27/07/2004	Nam	7.3	4.3	5.8	009	<u>hư</u>	
10	111322062	Trần Lê Minh	Nhật	11/12/2004	Nam	7.8	5.3	6.6	010	<u>hư</u>	
11	111322063	Nguyễn Thị	Như	15/05/2004	Nữ	9.5	4.5	7.0	011	<u>Phu</u>	
12	111322066	Hồ Thanh	Phong	01/01/2004	Nam	8.3	3.3	5.8	012	<u>hư</u>	
13	111322067	Nguyễn Chí	Phong	29/12/2004	Nam	7.3	3.0	5.2	013	<u>pho</u>	
14	111322070	Phạm Đăng	Quý	22/10/2004	Nam	8.3	3.0	5.7	014	<u>zui</u>	
15	111322072	Võ Hữu	Quỳnh	30/11/2004	Nam	7.5	3.3	5.4	015	<u>Nguyễn</u>	
16	111322073	Bùi Tấn	Tài	07/08/2004	Nam	6.0	4.3	5.2	016	<u>hư</u>	
17	111322074	Lê Nhật	Tài	26/11/2002	Nam	6.5	4.5	5.5	017	<u>hư</u>	
18	111322075	Lữ Ngọc	Tân	19/05/2004	Nam	9.3	4.8	7.1	018	<u>Tân</u>	
19	111322076	Trà Duy	Tân	09/04/2004	Nam	7.0	5.0	6.0	019	<u>hư</u>	
20	111322078	Huỳnh Minh	Thăng	02/11/2004	Nam	8.3	4.3	6.3	020	<u>hư</u>	

Tổng số sv, hs trên danh sách 20.....Tổng số sv, hs dự đánh giá: 20.....Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 20.....

Tổng số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Thị Ngọc Luyên

Cán bộ coi thi 2:.....

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %Trà Vinh, Ngày 01 tháng 02 năm 2024Cán bộ ghi điểm: Trần Cao Dương PhướcCán bộ kiểm tra: hưNguyễn Thị Linh

HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ**Danh Sách Ghi Điểm****Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

24/1

D71.113

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (62 -)/DA22TYB

CBGD: Nguyễn Võ Thu An (00810)

Hình thức đánh giá: Điểm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

24/02/2024

Phòng thi: D71.113

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	111322079	Lê Hoàng Thanh	17/05/2003	Nam	6.5	4.0	5.3	001	Thanh		
2	111322080	Nguyễn Thị Vân	10/10/2004	Nữ	9.3	5.8	7.6	002	Vân		
3	111322081	Trần Lâm Vũ	14/01/2004	Nam	8.8	4.5	6.7	003	Lâm Vũ		
4	111322083	Nguyễn Thị Phương	16/05/2004	Nữ	8.3	3.8	6.1	004	Phương		
5	111322084	Phạm Thị Thanh	23/02/2004	Nữ	7.5	4.3	5.9	005	Thanh		
6	111322085	Thang Hiếu	07/11/2004	Nam	8.3	6.0	7.2	006	Thang		
7	111322086	Trần Gia	22/03/2004	Nam	8.3	4.0	6.2	007	Gia		
8	111322087	Trịnh Vương Quốc	01/11/2004	Nam	7.0	4.3	5.7	008	Quốc		
9	111322088	Võ Huỳnh Anh	22/02/2004	Nữ	8.8	5.3	7.1	009	Anh		
10	111322089	Huỳnh Anh	12/01/2004	Nữ	8.3	5.8	7.1	010	Anh		
11	111322090	Huỳnh Thị Minh	21/03/2003	Nữ	8.3	5.8	7.1	011	Minh		
12	111322091	Nguyễn Thị Ngọc	29/08/2004	Nữ	8.5	5.8	7.2	012	Ngọc		
13	111322092	Nguyễn Thị Cẩm	08/09/2004	Nữ	8.8	4.0	6.4	013	Cẩm		
14	111322093	Phạm Chí	10/04/2002	Nam	6.5	4.0	5.3	014	Chí		
15	111322094	Nguyễn Lê Bảo	11/08/2004	Nữ	6.8	4.0	5.4	015	Bảo		
16	111322096	Nguyễn Thị Huyền	10/05/2004	Nữ	8.5	4.8	6.7	016	Huyền		
17	111322098	Phạm Huỳnh Hải	14/10/2004	Nữ	7.3	3.8	5.6	017	Hải		
18	111322099	Đặng Minh	27/01/2004	Nam	6.8	2.8	4.8	018	Minh		
19	111322100	Dương Thị Mai	22/08/2004	Nữ	8.0	3.0	5.5	019	Mai		
20	111322101	Nguyễn Hữu	11/05/2004	Nam	6.8	3.0	4.9	020	Hữu		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 20

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 20

Tổng số tờ:

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 01 tháng 02 năm 2024

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Văn AnhCán bộ ghi điểm: La Lê Cao Dương Phụng An

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: La LêNguyễn Thị Linh

Danh Sách Ghi Điểm**Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (62 -)/DA22TYB

CBGD: Nguyễn Võ Thu An (00810)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

24 / 01 / 2024Phòng thi: D71.114

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	111322102	Nguyễn Thanh Trúc	21/08/2004	Nữ	8.0	5.0	6.5	005	<u>Cy</u>		
2	111322103	Nguyễn Hoàng Tuấn	19/01/2004	Nam	8.3	3.8	6.1	006	<u>me</u>		
3	111322104	Nguyễn Thị Nhà	22/10/2004	Nữ	7.0	3.8	5.4	007	<u>Chi</u>		
4	111322105	Phạm Vĩnh Tường	01/06/2003	Nam	8.3	3.3	5.8	008	<u>me</u>		
5	111322107	Lê Quốc Vinh	17/01/2004	Nam	6.3	3.8	5.1	009	<u>Vinh</u>		
6	111322108	Nguyễn Phước Vinh	27/09/2004	Nam	8.5	3.3	5.9	010	<u>me</u>		
7	111322109	Trần Phú Vinh	18/03/2004	Nam	6.0	3.0	4.5	011	<u>me</u>		
8	111322112	Trương Tường Vy	11/10/2004	Nữ	7.8	3.8	5.8	012	<u>me</u>		
9	111322113	Võ Thị Yến Xuân	10/09/2004	Nữ	8.8	3.5	6.2	013	<u>me</u>		
10	111322136	Trần Khởi Nguyệt	25/04/2004	Nữ	8.0	4.0	6.0	014	<u>me</u>		
11	111322149	Nguyễn Hữu Phát	04/02/2004	Nam	6.8	3.5	5.2	016	<u>me</u>		
12	111322152	Nguyễn Thị Kim Thoa	10/11/2004	Nữ	7.0	3.5	5.3	017	<u>me</u>		
13	111322153	Nguyễn Ngọc Diễm Thúy	09/09/2002	Nữ	8.8	3.8	6.3	018	<u>me</u>		
14	111322156	Nguyễn Huỳnh Thanh Tú	07/11/2000	Nam	7.5	3.3	5.4	019	<u>me</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 14....Tổng số sv, hs dự đánh giá: 14....Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 14....

Tổng số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Thị Kim Ngọc

Cán bộ coi thi 2:.....

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %Trà Vinh, Ngày 01 tháng 02 năm 2024Cán bộ ghi điểm: Nguyễn Cao Dương Phương LanCán bộ kiểm tra: meNguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (62 -)/DA22CNTP

CBGD: Nguyễn Võ Thu An (00810)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

24 / 01 / 2024

Phòng thi: D11.114

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	116222037	Lương Ngọc Minh	25/02/2004	Nam	<u>/</u>	<u>/</u>	<u>/</u>	<u>/</u>	<u>/</u>	<u>/</u>	<u>Cán K</u>

Tổng số sv, hs trên danh sách: 01

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 00

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 00

Tổng số tờ:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 01 tháng 02 năm 2024

Cán bộ coi thi 1: T.T. Kim Ngọc

Cán bộ ghi điểm: Nguyễn Cao Dương phượng lan

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ Kiểm tra: la k
Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (62 -)/DA22KT

CBGD: Nguyễn Võ Thu An (00810)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

24 / 01 / 2024

Phòng thi: DT1.114

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	111922036	Hồ Thị Hồng	06/05/2003	Nữ	8.0	5,5	6,8	002	<u>Am</u>		
2	111922042	Trần Khánh	22/06/2004	Nam	7.8	3,5	5,7	003	<u>Quy</u>		
3	111922051	Nguyễn Trung	11/11/2003	Nam	7.5	2,8	5,2	004	<u>Hu</u>		
4	111922123	Phạm Đoàn Ngọc	21/04/2003	Nữ	7.0	3,5	5,3	015	<u>AB</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 04

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 04

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 04

Tổng số tờ:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 01 tháng 02 năm 2024

Cán bộ coi thi 1: Trần Thị Kim Ngọc

Cán bộ ghi điểm: Lu Cuo Dương phương lan

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: la

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (62 -)/DA22LH

CBGD: Nguyễn Võ Thu An (00810)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

24 / 01 / 2024

Phòng thi: ĐẠI 111

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	114122069	Sơn Hoàng	Diệu	27/12/2004	Nam	7.5	✓	✓	✓	✓	✓	✓
2	114122101	Nghi Hoàng	Thái	23/04/2003	Nam	9.8	6.8	7.3	002	✓	✓	✓
3	114122126	Triệu	Hon	05/01/2001	Nam	8.3	3.5	5.9	012	✓	✓	✓
4	114122135	Võ Đan	Trường	11/02/2004	Nam	9.0	5.5	7.3	013	✓	✓	✓

Tổng số sv, hs trên danh sách: 04

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 03

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 03

Tổng số tờ: 03

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Quốc Khánh

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 01 tháng 02 năm 2024

Cán bộ ghi điểm: Thanh Cao Dương Phương Lan

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Thanh

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (62 -)/DA22QKDB

CBGD: Nguyễn Võ Thu An (00810)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

24 / 01 / 2024

Phòng thi: D71.114

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	112222038	Lý Kim Lin	27/12/2004	Nữ	8.8	6,3	7,6	001	<i>lin</i>		
2	112222046	Nguyễn Ngọc Kiều My	26/06/2004	Nữ	8.0	6,3	7,2	002	<i>Ky</i>		
3	112222053	Trần Phương Nghi	16/12/2004	Nữ	6.5	4,0	5,3	003	<i>Phuong</i>		
4	112222057	Dương Nguyễn Khánh Nhi	05/01/2002	Nữ	9.8	5,8	7,8	004	<i>Nhi</i>		
5	112222062	Nguyễn Huỳnh Như	09/01/2003	Nữ	7.8	3,5	5,7	005	<i>Như</i>		
6	112222064	Khưu Văn Phát	09/11/2004	Nam	7.5	3,3	5,4	006	<i>Phat</i>		
7	112222069	Nguyễn Thị Khánh Quỳnh	19/04/2004	Nữ	7.8	6,3	7,1	007	<i>Quynh</i>		
8	112222070	Dương Trần Phi Tài	17/12/2004	Nam	6.8	4,3	5,6	008	<i>Tai</i>		
9	112222071	Nguyễn Thị Mỹ Tâm	14/08/2004	Nữ	8.8	5,0	6,9	009	<i>My Tam</i>		
10	112222072	Nguyễn Văn Tân	08/04/2004	Nam	8.8	5,0	6,9	010	<i>Tan</i>		
11	112222097	Trần Hiếu Trọng	29/04/2004	Nam	8.3	3,3	5,8	011	<i>Tran</i>		
12	112222140	Thạch Tường	14/12/2004	Nam							

Tổng số sv, hs trên danh sách: 12

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 11

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 11

Tổng số tờ:

Cán bộ coi thi 1: Trần Thị Kim Ngọc

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 01 tháng 02 năm 2024

Cán bộ ghi điểm: Thạch Cao Đình Phụng Lan

Cán bộ kiểm tra: Thạch

Nguyễn Thị Linh